



## **QUỸ ETF VFMVN30**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Thông tin chung**

**Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng**

52/GCN-UBCK cấp ngày 4 tháng 7 năm 2014

**Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ**

375/QĐ-SGDHCM cấp ngày 29 tháng 9 năm 2014

**Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

14/GCN-UBCK cấp ngày 18 tháng 9 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở được cấp với thời gian hoạt động không giới hạn.

Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ được cấp bởi Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Ban Đại Diện Quỹ**

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngô Đức Kế  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

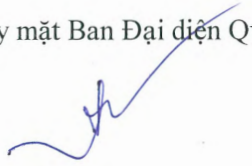
Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định của Thông tư số 229/2012/TT-BTC (“Thông tư 229”) ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Bà Nguyễn Bội Hồng Lê  
*Chủ tịch*

Thành phố Hồ Chí Minh,

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ ETF VFMVN30 (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 229/2012/TT-BTC (“Thông tư 229”) ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 181, Thông tư 198, các quy định có liên quan của Thông tư 229 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**1. Thông tin chung về Quỹ**

**a. Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**b. Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 44,96% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2016; trong khi giá trị của danh mục của chứng khoán cơ cấu thay đổi là 23,1%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 23,7% so với đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**c. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tổng thu nhập VN30 (VN30-TRI) sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập (total return index) do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30-TRI về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

**d. Phân loại Quỹ**

Quỹ thuộc loại quỹ Hoán đổi danh mục.

**e. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Không có.

**f. Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Trung bình.

**g. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 18 tháng 9 năm 2014.

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**h. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 49.700.000 và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 12.525,84 Đồng Việt Nam.

**i. Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Chỉ số tham chiếu của Quỹ chỉ số tổng thu nhập VN30 (VN30-TRI).

**j. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ sẽ được xem xét hàng năm và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ và quyết định của nhà đầu tư trong Đại hội Nhà Đầu tư.

**k. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**

Không có.

**2. Số liệu hoạt động**

**a. Cơ cấu tài sản quỹ**

Cơ cấu tài sản quỹ	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2015 Chưa soát xét
Danh mục chứng khoán	99,60%	99,29%	98,55%
Tài sản khác	0,40%	0,71%	1,45%
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

**b. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

Chỉ tiêu	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2015 Chưa soát xét
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	622.534.351.554	344.103.683.319	194.159.221.557
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND)	49.700.000	34.600.000	20.100.000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	12.525,84	9.945,19	9.659,66
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.525,84	10.089,10	9.706,67
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	9.813,20	8.601,50	8.531,35

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	30/6/2017 Chưa soát xét	30/6/2016 Chưa soát xét	30/6/2015 Chưa soát xét
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	12.560	9.900	9.700
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.560	10.300	10.400
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	9.800	8.700	8.700
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	0,04	14,04	N/A
<i>Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)</i>	0,18	0,20	N/A
<i>Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)</i>	(0,14)	13,84	N/A
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có	Không có
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có	Không có
Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	0,94	0,97	1,22
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	54,39	47,34	10,89

**c. Tăng trưởng qua các thời kỳ**

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm	
	(%) Chưa soát xét	(%) Chưa soát xét
1 năm	25,9	25,9
3 năm	N/A	N/A
Từ khi thành lập	25,3	8,27
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	N/A	N/A

**d. Tăng trưởng hàng năm**

Thời kỳ	30/6/2017 Chưa soát xét	30/6/2016 Chưa soát xét	30/6/2015 Chưa soát xét	30/6/2014 Chưa soát xét
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	25,9%	2,96%	N/A	N/A

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**3. Mô tả thị trường trong kỳ**

Thị trường tháng 6 và quý 2 năm 2017 vừa kết thúc với diễn biến tích cực về tăng trưởng điểm số và dòng tiền vào thị trường. Điểm số thị trường đang ở mức cao trong vòng 9 năm nay, VNIndex tăng hơn 100 điểm so với cuối năm ngoái tương đương tăng gần 17%, thanh khoản được đẩy mạnh nhờ vào dòng tiền rót mạnh vào thị trường của Nhà đầu tư nước ngoài lẫn trong nước. Bên cạnh đó, một trong những yếu tố giúp thị trường thu hút được dòng tiền đầu tư lớn chính là hàng hóa trên thị trường dồi dào và chất lượng hơn trước, nổi bật là các doanh nghiệp mới niêm yết như: VJC, NVL, SAB, HVN, PLX... Yếu tố vĩ mô khả quan như: tăng trưởng GDP trong quý 2 đạt 6,17% đưa mức tăng GDP trong 6 tháng lên 5,73% cũng hỗ trợ tích cực đến tăng trưởng của thị trường.

**4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**

**a. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

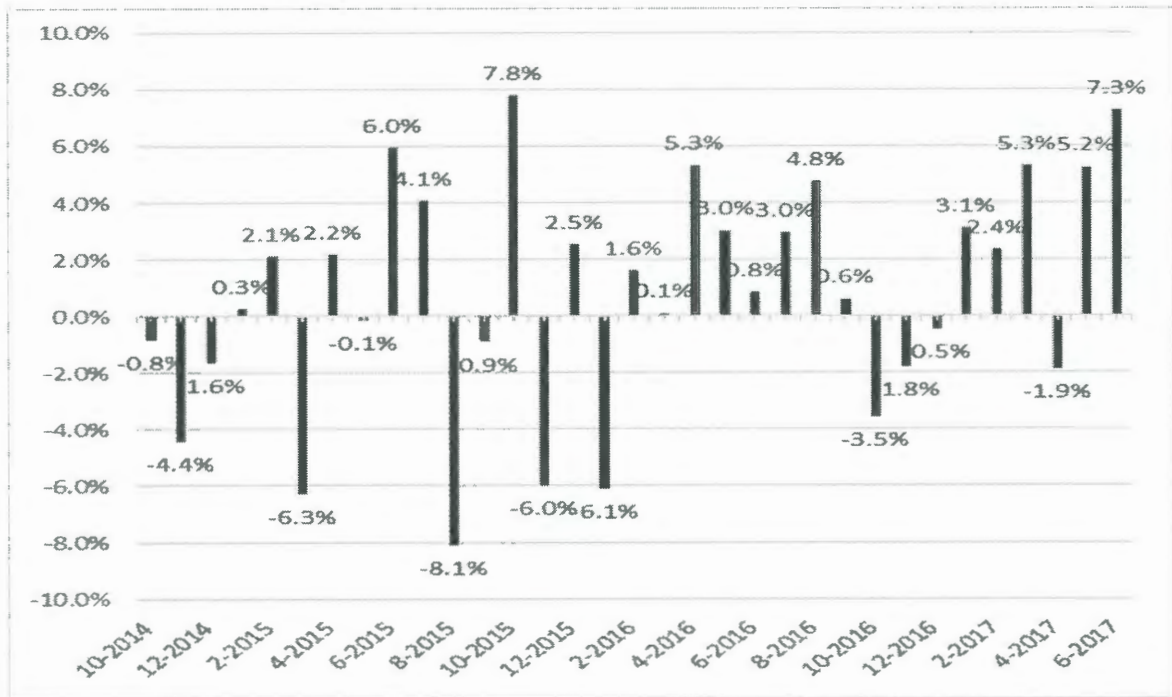
Chỉ tiêu	1 năm đến thời	3 năm gần nhất tính	Từ khi thành lập
	điểm báo cáo (%)	đến thời điểm báo cáo (%)	đến thời điểm báo cáo (%)
	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(0,14)	13,84	N/A
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	0,18	0,20	N/A
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	0,04	14,04	N/A
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	25,95%	N/A	8,27%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	25,95%	N/A	8,27%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	26,52%	N/A	25,26%

---



**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất như sau:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	30/6/2017 1	30/6/2016 2	Tỷ lệ thay đổi $3 = \frac{(1)-(2)}{(2)}$ Chưa soát xét
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	622.534.351.554	344.103.683.319	80,91%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.525,84	9.945,19	25,95%

Trong 12 tháng qua (từ ngày 30 tháng 06 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017), thị trường chứng khoán tăng trưởng rất mạnh cùng với sự góp vốn nhiều vào Quỹ. Chính vì thế mà NAV của Quỹ tăng trưởng rất tốt đạt 80,91% và NAV/CCQ tăng 25,95%.

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**b. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	Chưa soát xét	Chưa soát xét	
Dưới 5.000	92	63.640	0,16%
Từ 5.000 đến 10.000	8	45.820	0,11%
Từ 10.000 đến 50.000	17	351.800	0,88%
Từ 50.000 đến 500.000	9	1.268.770	3,17%
Trên 500.000	12	38.338.740	95,68%
<b>Tổng cộng</b>	<b>138</b>	<b>40.068.770</b>	<b>100%</b>

**c. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**5. Thông tin về triển vọng thị trường**

Thận định thị trường tháng 07/2017: Dự báo tiếp tục tăng trưởng với các cổ phiếu của các nhóm ngành có kết quả kinh

- i) Kết quả kinh doanh kinh doanh Quý 2 với nhiều doanh nghiệp dự báo kết quả kinh doanh tốt;
- ii) Dòng tiền vào thị trường từ nhà đầu tư Nội và Ngoại;
- iii) Hoạt động điều hành nền kinh tế năm nay của Chính phủ đang đi đúng hướng với sự hồi phục của nền kinh tế và vĩ mô ổn định.

Xét vđộng điều hành nền kinh tế năm nay của Chính phủ đang đi đúng hướng với sự hồi phục ct vđộng điều hành nền kinh tế năm nay của Chính phủ đang đi đúng hướng với sự hồi phục của nền kinh tế và vĩ mô ổn định. quý 2 tăng lên 5,73% cũng hể năm nay của Chính phủ đang đi đúng hướng với sự hồi phục của nền kinh tế và vĩ mô ổn định. quý 2 tốt tiên của Công ty không được phép nhận các khoản nợ của thị trường. Thị trường chứng trường tốt là các nhóm ngành như: Ngân hàng...

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**6. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ như sau:

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ	Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu	Thạc sỹ Kinh tế	Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
	Vũ Đức Sĩ	Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư	Thạc sỹ Toán ứng dụng	Từ 2010 đến 2014: Chuyên viên đầu tư Từ 2014 đến tháng 1 năm 2016: Chuyên viên đầu tư cao cấp Từ tháng 1 năm 2016 đến nay: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư
Ban đại diện Quỹ	Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán Công ty CP chứng khoán dầu khí Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý đầu khí Viện Dầu khí Việt Nam
	Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán	Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc Công ty TNHH kiểm toán AS Từ 2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH kiểm toán Đại Tín
	Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên	Luật Sư	Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ	Trần Thanh Tân	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Từ 2003 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
	Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu	Thạc sỹ Kinh tế	Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
	Nguyễn Minh Đăng Khánh	Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính	Thạc sỹ Tài chính – kinh tế	Từ 2011 đến nay: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam



11/01/2023

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
	Trần Lê Minh		Thạc sỹ Quản trị Tài chính	Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
	Trần Văn Hiếu	Quyền phó tổng giám đốc – Khôi huy động vốn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Từ 2010 đến 2012: Giám đốc điều hành Công ty Pana Harrison Asia Limited Insurance Broker Việt Nam Từ 2012 đến 2014: Giám đốc Dự án Công ty Generali Việt Nam Từ 2014 đến 2015: Giám đốc Huy động vốn cao cấp Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam Từ 2016 đến nay: Quyền Phó tổng giám đốc Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Ông Trần Thanh Tân  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 8 năm 2017





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ ETF VFMVN30**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ ETF VFMVN30 (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 15 đến trang 66.

### **Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 229/2012/TT-BTC (“Thông tư 229”) ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

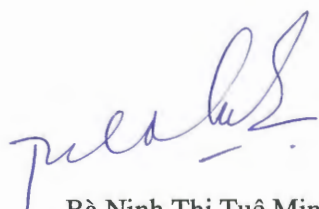


**QUỸ ETF VFMVN30****Báo cáo thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017****Mẫu số B01g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

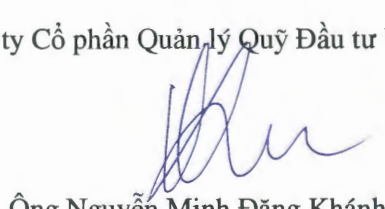
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>101.438.831.418</b>	<b>17.210.253.664</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	13	6.852.305.100	3.291.716.100
1.2	Tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng	03	13	9.500.000	1.874.444
1.3	Lỗ từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư	04	14	(678.835.042)	(985.220.144)
1.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	15	95.255.861.360	14.901.883.264
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>109.941.108</b>	<b>115.978.172</b>
2.1	Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	11	16	109.941.108	115.978.172
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF</b>	<b>20</b>		<b>2.168.454.105</b>	<b>1.682.688.900</b>
3.1	Phí quản lý Quỹ ETF	20.1	21	1.480.508.178	1.123.342.847
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF	20.2	17	171.976.501	146.300.971
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	21	105.600.000	85.800.000
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	20.4	21	105.973.204	85.800.000
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		33.000.000	33.000.000
3.6	Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của Quỹ ETF	20.6	18	91.108.194	47.780.112
3.7	Chi phí họp, Đại hội Quỹ ETF	20.7		3.000.105	6.106.463
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		50.853.172	49.259.545
3.9	Chi phí hoạt động khác	20.11	19	126.434.751	105.298.962
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)</b>	<b>23</b>		<b>99.160.436.205</b>	<b>15.411.586.592</b>
<b>V</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>99.160.436.205</b>	<b>15.411.586.592</b>
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		3.904.574.845	509.703.328
6.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	32		95.255.861.360	14.901.883.264
<b>VI</b>	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>99.160.436.205</b>	<b>15.411.586.592</b>

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng  
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**QUỸ ETF VFMVN30****Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017****Mẫu số B02g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110 4</b>	<b>2.319.334.821</b>	<b>1.627.067.349</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF	111	2.319.334.821	1.627.067.349
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>	<b>620.564.324.150</b>	<b>427.463.644.250</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121 5	620.564.324.150	427.463.644.250
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>215.123.275</b>	<b>871.459.500</b>
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	200.000.000	871.459.500
3.2.2	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>136 6</i>	<i>200.000.000</i>	<i>871.459.500</i>
3.3	Các khoản phải thu khác	137 7	15.123.275	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)</b>	<b>100</b>	<b>623.098.782.246</b>	<b>429.962.171.099</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
1	Chi phí phải trả	316 8	126.832.509	136.876.080
2	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	319 9	425.316.522	357.843.176
3	Phải trả, phải nộp khác	320 10	12.281.661	19.591.250
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 316 + 319 + 320)</b>	<b>300</b>	<b>564.430.692</b>	<b>514.310.506</b>

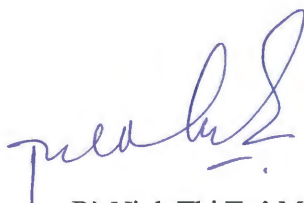
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**QUỸ ETF VFMVN30****Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B02g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

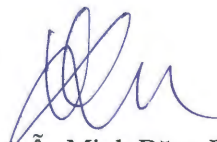
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 – 300)</b>	<b>400</b>		<b>622.534.351.554</b>	<b>429.447.860.593</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>11</b>	<b>497.000.000.000</b>	<b>422.000.000.000</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		748.000.000.000	634.000.000.000
1.2	Vốn góp hoán đổi lại	413		(251.000.000.000)	(212.000.000.000)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>11</b>	<b>11.481.258.059</b>	<b>(7.444.796.697)</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>12</b>	<b>114.053.093.495</b>	<b>14.892.657.290</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>	<b>11</b>	<b>12.525,84</b>	<b>10.176,48</b>
<b>V</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>				
<b>1</b>	<b>Số lượng chứng chỉ Quỹ ETF đang lưu hành</b>	<b>004</b>	<b>11</b>	<b>49.700.000</b>	<b>42.200.000</b>

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng  
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính




Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**QUỸ ETF VFMVN30****Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

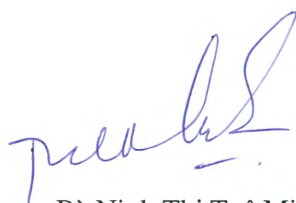
Mẫu số B03g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
<b>I</b>	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF (“NAV”) đầu kỳ</b>	<b>429.447.860.593</b>	<b>358.784.823.112</b>
<b>II</b>	<b>Thay đổi NAV so với kỳ trước</b>	<b>99.160.436.205</b>	<b>15.411.586.592</b>
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ ETF trong kỳ	99.160.436.205	15.411.586.592
<b>III</b>	<b>Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ ETF</b>	<b>93.926.054.756</b>	<b>(30.092.726.385)</b>
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ ETF	135.969.395.591	28.804.764.488
III.2	Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	(42.043.340.835)	(58.897.490.873)
<b>IV</b>	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF cuối kỳ (IV = I + II + III)</b>	<b>622.534.351.554</b>	<b>344.103.683.319</b>

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng  
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**QUỸ ETF VFMVN30****Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017****Mẫu số B04g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/6/2017 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2017 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Mã cổ phiếu niêm yết</b>				
1	BID	363.520	20.400	7.415.808.000	1,19%
2	BMP	86.990	99.000	8.612.010.000	1,38%
3	BVH	144.690	57.500	8.319.675.000	1,34%
4	CII	374.260	37.200	13.922.472.000	2,23%
5	CTD	63.310	216.500	13.706.615.000	2,20%
6	CTG	777.870	20.250	15.751.867.500	2,53%
7	DHG	96.220	124.300	11.960.146.000	1,92%
8	DPM	332.870	23.500	7.822.445.000	1,26%
9	FPT	883.646	46.850	41.398.815.100	6,64%
10	GAS	200.000	58.300	11.660.000.000	1,87%
11	GMD	318.390	43.000	13.690.770.000	2,20%
12	HAG	922.800	9.480	8.748.144.000	1,40%
13	HNG	472.500	10.750	5.079.375.000	0,82%
14	HPG	1.621.607	32.000	51.891.424.000	8,33%
15	HSG	395.936	32.400	12.828.326.400	2,06%
16	ITA	869.620	3.900	3.391.518.000	0,54%
17	KBC	735.780	16.850	12.397.893.000	1,99%
18	KDC	257.710	46.500	11.983.515.000	1,92%
19	MBB	1.968.141	22.300	43.889.544.300	7,04%
20	MSN	950.950	42.000	39.939.900.000	6,41%
21	MWG	352.900	102.900	36.313.410.000	5,83%
22	NT2	178.151	28.550	5.086.211.050	0,82%
23	PVD	407.118	13.850	5.638.584.300	0,90%
24	REE	388.349	36.900	14.330.078.100	2,30%
25	SBT	285.410	35.050	10.003.620.500	1,61%
26	SSI	666.088	27.650	18.417.333.200	2,96%
27	STB	2.672.431	13.800	36.879.547.800	5,92%
28	VCB	751.920	38.500	28.948.920.000	4,65%
29	VIC	1.314.077	42.700	56.111.087.900	9,01%
30	VNM	387.952	157.600	61.141.235.200	9,80%
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư khác</b>				
1	HPG (Quyền mua)	1.368.347	2.400	3.284.032.800	0,53%

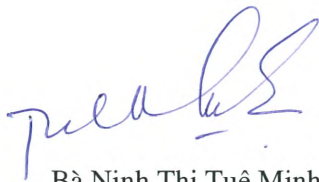
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**QUỸ ETF VFMVN30****Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B04g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2017 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ VND
<b>III</b>	<b>Các tài sản khác</b>		
1	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	200.000.000	0,03%
2	Các khoản phải thu khác	15.123.275	0,00%
<b>IV</b>	<b>Tiền</b>		
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	2.319.334.821	0,37%
<b>V</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>	<b>623.098.782.246</b>	<b>100%</b>

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

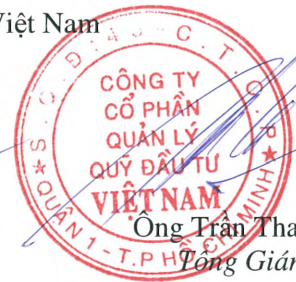
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng  
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

**QUỸ ETF VFMVN30****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu số B05g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>99.160.436.205</b>	<b>15.411.586.592</b>
<b>Điều chỉnh cho:</b>			
(Lãi)/lỗ do việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	02	(2.282.886.166)	2.964.749.001
Lỗ do việc mua hộ chứng khoán hạn chế	02	80.000	3.756.000
Chênh lệch tăng thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03	(95.255.861.360)	(14.901.883.264)
Chi phí trích trước	04	(10.043.571)	(29.655.435)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>05</b>	<b>1.611.725.108</b>	<b>3.448.552.894</b>
Tăng các khoản đầu tư	06	(1.907.285.374)	(2.371.407.137)
Tăng khoản phải thu về bán các khoản đầu tư	06	-	(58.080.000)
Giảm dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07	671.459.500	595.945.667
Tăng các khoản phải thu khác	08	(15.123.275)	(11.070.154)
Tăng phải trả cho Nhà đầu tư	14	-	(345.000)
Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về hoán đổi lại Chứng chỉ quỹ	15	-	37.850.810
(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	16	(7.309.589)	10.400.537
Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	17	67.473.346	47.557.999
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19</b>	<b>420.939.716</b>	<b>1.699.405.616</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	21	574.854.691	41.317.488
Tiền chi hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	22	(303.526.935)	(136.762.873)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>	<b>271.327.756</b>	<b>(95.445.385)</b>
<b>Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ (40 = 19 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>692.267.472</b>	<b>1.603.960.231</b>

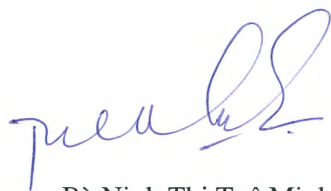
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**QUỸ ETF VFMVN30****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu số B05g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

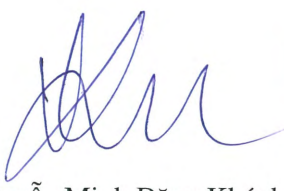
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.627.067.349</b>	<b>685.363.538</b>
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ ETF	52		1.627.067.349	185.363.538
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	52		-	500.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>55</b>	<b>4</b>	<b>2.319.334.821</b>	<b>2.289.323.769</b>
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ ETF	57		2.319.334.821	2.289.323.769
<b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>	<b>60</b>		<b>692.267.472</b>	<b>1.603.960.231</b>

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng  
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính




Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ ETF VFMVN30 (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp phép phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 52/GCN-UBCK vào ngày 4 tháng 7 năm 2014. Theo giấy chứng nhận này, vốn điều lệ tối thiểu dự kiến huy động của Quỹ là 50.000.000.000 Đồng Việt Nam, tương đương 50 lô chứng chỉ quỹ (một lô chứng chỉ quỹ bao gồm tối thiểu 100.000 chứng chỉ quỹ). Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 14/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp là 202.000.000.000 Đồng Việt Nam tương đương 20.200.000 chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 375/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 9 năm 2014.

Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 30 tháng 5 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung vào ngày 5 tháng 4 năm 2016 và không bị giới hạn về thời gian hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ và ngược lại.

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tổng thu nhập VN30 (VN30-TRI) sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập (total return index) do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30-TRI có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30-TRI về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30-TRI. Danh mục chứng khoán của chỉ số VN30-TRI bao gồm 30 cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Danh sách 30 cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float), vốn hoá thị trường và giá trị giao dịch. Khi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi định kỳ (rebalancing) hoặc thay đổi bất thường danh mục chỉ số VN30-TRI, tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể biến động dưới 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30-TRI.



## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định trong Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ đồng thời phải đảm bảo các điều sau:

- Quỹ không được đầu tư vào quá 15% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi một Công ty quản lý quỹ, cá nhân có liên quan đến công ty quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu; và
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được định giá hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là phòng 1701-04, tầng 17, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 229/2012/TT-BTC (“Thông tư 229”) ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 181, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(c), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## QUỸ ETF VFMVN30

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### (e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là lãi hoặc lỗ trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

#### (b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

#### (i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### **(ii) Ghi nhận ban đầu**

Quỹ ghi nhận danh mục chứng khoán cơ cấu được hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Quỹ ghi nhận danh mục chứng khoán mà Quỹ thực hiện đầu tư tại ngày giao dịch.

#### **(iii) Xác định giá trị**

Theo Thông tư 229, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại điều lệ Quỹ, hoặc sổ tay định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

##### **Trái phiếu**

- Trái phiếu niêm yết
  - Giá yết hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán (giá sạch), trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận (chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc
    - + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
    - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
- Trái phiếu không niêm yết được định giá bằng giá mua cộng lãi lũy kế.
- Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi được định giá bằng giá mua.

## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### ***Cổ phiếu***

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
  - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
    - + Giá mua; hoặc
    - + Giá trị sổ sách; hoặc
    - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
  
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Mệnh giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
  
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày của báo cáo tình hình tài chính kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất trước ngày định giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

#### ***Chứng khoán phái sinh***

- Chứng khoán phái sinh niêm yết được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán đó trước ngày định giá.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm lên theo giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

#### ***Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu***

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## QUỸ ETF VFMVN30

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### *Quyền mua cổ phiếu*

Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### (iv) *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### (d) *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, phải thu từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ chứng khoán bị hạn chế, các khoản phải thu từ đơn vị đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỉ lệ trích lập dự phòng như sau:

#### *Thời gian quá hạn*

#### *Mức trích lập dự phòng*

Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo thu nhập trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi.

## QUỸ ETF VFMVN30

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### (e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ, phải trả từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ chứng khoán bị hạn chế, các khoản phải trả cho nhà đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

#### (f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### (g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty quản lý Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

#### (i) Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty quản lý Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

## QUỸ ETF VFMVN30

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty quản lý Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Công ty quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty quản lý Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Công ty quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty quản lý Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

##### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty quản lý Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.



## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### **(h) Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

##### ***Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”), Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 (“Thông tư 100”) hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kê khai và khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Riêng tổ chức đầu tư nêu tại đoạn 2.1, điểm 2, Mục III Thông tư 100 được lựa chọn phương thức tự nộp thuế bằng cách gộp chung với thu nhập từ hoạt động kinh doanh của tổ chức đó để tính và nộp thuế theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành; tổ chức đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý Quỹ về việc tự nộp thuế để không bị khấu trừ phần thuế tương ứng. Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

##### ***Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) theo hướng dẫn của Công văn số 2331/TCT-CS ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Tổng Cục Thuế ban hành (“Công văn 2331”), Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là mức theo quy định của pháp luật hiện hành trên giá thị trường xác định tại thời điểm hoán đổi lại.

## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Các tổ chức nước ngoài nếu có giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ sẽ phải nộp thuế theo hướng dẫn tại Công văn 2331, và quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và có thể sẽ bị Công ty Quản lý Quỹ khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay theo quy định của pháp luật.

Các cáo bạch trên là dựa theo quy định tại các Luật về thuế Thu nhập Cá nhân, thuế Thu nhập Doanh nghiệp, thuế Giá trị Gia tăng và Quản lý thuế, được hướng dẫn chi tiết trong các Nghị định và Thông tư liên quan và được trích dẫn cụ thể như trên cũng như hướng dẫn riêng của Tổng Cục thuế tại Công văn 2331 gửi đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Cục thuế Hà Nội để hướng dẫn về chính sách thuế đối với Quỹ hoán đổi danh mục ETF. Các cáo bạch trên có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định của thuế tại Việt Nam.

#### **(i) Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn**

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại.

#### **(i) Vốn góp phát hành**

Vốn góp phát hành là khoản vốn góp từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của Quỹ đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

#### **(ii) Vốn góp hoán đổi lại**

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh tình hình từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

#### **(iii) Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư**

Thặng dư vốn góp thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ với mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ được phát hành/hoán đổi lại.

#### **(iv) Lợi nhuận chưa phân phối**

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của năm trước trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

#### **(j) Chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ**

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 VND, một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ. Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ.

Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán làm tròn đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và lấy đến (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

#### **(k) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận.

##### **(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

##### **(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ, kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### **(l) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh.

## QUỸ ETF VFMVN30

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### (m) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

#### (n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Khi xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan cần chú ý tới bản chất mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

#### (o) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối kỳ tại các ngân hàng sau đây:

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ</b>		
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	2.319.334.821	1.627.067.349

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư**

Tất cả các công ty được đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Giá mua VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 30/6/2017 VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017		Giá trị đánh giá lại tại ngày 30/6/2017 VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
Cổ phiếu niêm yết	525.668.475.367	617.280.291.350	111.963.101.660	(20.351.285.677)	617.280.291.350
Quyền mua chứng khoán	-	3.284.032.800	3.284.032.800	-	3.284.032.800
	525.668.475.367	620.564.324.150	115.247.134.460	(20.351.285.677)	620.564.324.150
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Giá mua VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2016 VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại cho năm kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2016 VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
Cổ phiếu niêm yết	427.823.656.827	427.463.644.250	37.955.439.240	(38.315.451.817)	427.463.644.250

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 6. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Dự thu cổ tức từ:		
▪ GAS	200.000.000	416.737.000
▪ CII	-	207.636.000
▪ PPC	-	118.856.000
▪ HCM	-	47.410.000
▪ NT2	-	80.820.500
	<hr/>	<hr/>
	200.000.000	871.459.500

### 7. Các khoản phải thu khác

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Trả trước phí quản lý niêm yết hàng năm tại HOSE	15.123.275	-
	<hr/>	<hr/>

### 8. Chi phí phải trả

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Phí kiểm toán	49.093.172	71.500.000
Phí hợp đại hội	9.050.105	6.050.000
Phí báo cáo thường niên	47.789.232	38.426.080
Phí công tác Ban Đại diện Quỹ	20.900.000	20.900.000
	<hr/>	<hr/>
	126.832.509	136.876.080

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF**

	<b>30/6/2017</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>
Phí quản lý Quỹ	288.198.457	231.357.856
Phí quản trị Quỹ	17.973.204	17.600.000
Phí giám sát Quỹ	17.600.000	17.600.000
Phí lưu ký chứng khoán	26.094.061	21.356.110
Phí giao dịch bù trừ chứng khoán	200.000	300.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho HOSE	29.375.400	26.564.605
Phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả cho HOSE	29.375.400	26.564.605
	<hr/>	<hr/>
	425.316.522	357.843.176
	<hr/>	<hr/>

**10. Phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/6/2017</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy Ban Chứng khoán nhà nước	4.958.886	10.000.000
Thù lao Ban đại diện Quỹ	6.731.525	9.000.000
Phí sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến	591.250	591.250
	<hr/>	<hr/>
	12.281.661	19.591.250
	<hr/>	<hr/>

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 11. Vốn góp của nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 14/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 202.000.000.000 Đồng Việt Nam tương ứng với 20.200.000 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp và số lượng chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2016	Phát sinh trong kỳ	Tại ngày 30/6/2017
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	63.400.000	11.400.000	74.800.000
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	634.000.000.000	114.000.000.000	748.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	(9.684.583.430)	21.969.395.591	12.284.812.161
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	624.315.416.570	135.969.395.591	760.284.812.161
<b>Vốn góp hoán đổi lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	(21.200.000)	(3.900.000)	(25.100.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(212.000.000.000)	(39.000.000.000)	(251.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại (7)	VND	2.239.786.733	(3.043.340.835)	(803.554.102)
Tổng giá trị hoán đổi lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(209.760.213.267)	(42.043.340.835)	(251.803.554.102)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)</b>				
	CCQ	42.200.000	7.500.000	49.700.000
<b>Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)</b>				
	VND	422.000.000.000	75.000.000.000	497.000.000.000
<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7)</b>				
	VND	(7.444.796.697)	18.926.054.756	11.481.258.059
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (12)</b>				
	VND	14.892.657.290	99.160.436.205	114.053.093.495
<b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>				
	VND	429.447.860.593		622.534.351.554
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)</b>				
	VND/ CCQ	10.176,48		12.525,84
<b>NAV hiện hành/1 lô chứng chỉ quỹ (15) = (13)/{(9)/100.000 CCQ}</b>				
	NAV/ Lô CCQ	1.017.648.959		1.252.584.208



**QUỸ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**12. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đầu kỳ	14.892.657.290	(7.966.750.751)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	99.160.436.205	15.411.586.592
Trong đó		
<i>Lợi nhuận đã thực hiện và chưa phân phối</i>	<i>3.904.574.845</i>	<i>509.703.328</i>
<i>Lãi chưa thực hiện</i>	<i>95.255.861.360</i>	<i>14.901.883.264</i>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	114.053.093.495	7.444.835.841

**13. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>
Cổ tức được chia trong kỳ		
Cổ tức đã nhận	6.652.305.100	3.202.340.100
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	200.000.000	89.376.000
	6.852.305.100	3.291.716.100
Tiền lãi được nhận trong kỳ từ:		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	9.500.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	-	1.707.778
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	166.666
	9.500.000	1.874.444
	6.861.805.100	3.293.590.544

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 14. Lỗ từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Lỗ từ giao dịch hoán đổi và mua bán chứng khoán (*)	(678.755.042)	(981.464.144)
Lỗ từ việc Quỹ mua hộ các nhà đầu tư chứng khoán hạn chế	(80.000)	(3.756.000)
	<hr/>	<hr/>
	(678.835.042)	(985.220.144)

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

(\*) Lỗ từ giao dịch hoán đổi và mua bán chứng khoán bao gồm:

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán và hoán đổi VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lỗ bán và hoán đổi chứng khoán cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND [3] = [1] – [2]	Lỗ bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2017 VND [4] = [3] + [5]	Lỗ bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2016 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	75.639.264.318	76.318.019.360	(678.755.042)	(7.931.097.355)	(7.252.342.313)

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán và hoán đổi VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lỗ bán và hoán đổi chứng khoán cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND [3] = [1] – [2]	Lỗ bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2016 VND [4] = [3] + [5]	Lỗ bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2015 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	97.065.000.720	98.046.464.864	(981.464.144)	(8.120.343.677)	(7.138.879.533)

**QUỸ ETF VFMVN30**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

**Mẫu số B06g – ETF**  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**15. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 30/6/2017 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 30/6/2017 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2016 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	525.668.475.367	617.280.291.350	91.611.815.983	(360.012.577)	91.971.828.560
Quyền chứng khoán	-	3.284.032.800	3.284.032.800	-	3.284.032.800
	525.668.475.367	620.564.324.150	94.895.848.783	(360.012.577)	95.255.861.360

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 30/6/2016 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 30/6/2016 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2015 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	344.997.886.603	342.319.683.800	(2.678.202.803)	(17.580.086.067)	14.901.883.264

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư (*)	58.152.568	58.038.598
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư (*)	50.849.165	57.456.289
Chi phí giao dịch trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán	939.375	483.285
	<hr/>	<hr/>
	109.941.108	115.978.172

(\*) Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư nêu trên bao gồm chủ yếu phí môi giới cho việc mua bán các cổ phiếu niêm yết.

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

### Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch kỳ báo cáo)	Quan hệ với công ty quản lý quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán				
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ với từng công ty chứng khoán trong kỳ	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5] = [3]/[4]%	[6]	[7]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán NHTMCP Á Châu	Không liên quan	20.927.359.400	72.830.899.418	28,73%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Bên liên quan	9.829.159.000	72.830.899.418	13,50%	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	757.989.000	72.830.899.418	1,04%	0,15%	0,15%-0,50%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Không liên quan	27.944.548.100	72.830.899.418	38,37%	0,15%	0,15%-0,50%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	13.371.834.000	72.830.899.418	18,36%	0,15%	0,15%-0,50%
	<b>Tổng</b>		<b>72.830.889.500</b>		<b>100,00%</b>		

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua Công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch hoán đổi và thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

**QUỸ ETF VFMVN30**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

**Mẫu số B06g – ETF**  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch kỳ báo cáo)	Quan hệ với công ty quản lý quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán				Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ với từng công ty chứng khoán trong kỳ			
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5] = [3]/[4] %	[6]	[7]	
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán NHTMCP Á Châu	Không liên quan	24.260.675.000	77.645.066.720	31,25%	0,15%	0,15%-0,50%	
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Bên liên quan	4.011.073.000	77.645.066.720	5,17%	0,15%	0,15%-0,50%	
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	21.069.328.000	77.645.066.720	27,13%	0,15%	0,15%-0,50%	
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Không liên quan	28.303.909.000	77.645.066.720	36,45%	0,15%	0,15%-0,50%	
<b>Tổng</b>			<b>77.644.985.000</b>		<b>100,00%</b>			

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua Công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch hoán đổi và thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 17. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 21)	136.153.419	103.769.907
Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 21)	5.400.000	6.900.000
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	30.423.082	35.631.064
	<hr/>	<hr/>
	171.976.501	146.300.971

### 18. Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động cho Quỹ ETF

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Phí trả cho HOSE cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV)	45.554.097	23.890.056
Phí trả cho HOSE quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu	45.554.097	23.890.056
	<hr/>	<hr/>
	91.108.194	47.780.112

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) và phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho HOSE theo các mức phí cụ thể như sau:

#### Dịch vụ

#### Biểu phí

Phí trả cho HOSE quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu • 0,02% NAV mỗi năm

Phí trả cho HOSE cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV) • 0,02% NAV mỗi năm

Phí trả cho HOSE quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền mỗi năm và tối thiểu là 50 triệu VND mỗi năm.

Phí trả cho HOSE cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV) tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền mỗi năm và tối thiểu là 50 triệu VND mỗi năm.



## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Các phí trên được tính hàng tháng là tổng số phí của mỗi kỳ giao dịch trong tháng, dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả mỗi sáu tháng một lần (“kỳ thanh toán”). Số phí trả trong mỗi kỳ thanh toán là tổng số phí được tính cho từng tháng phát sinh trong kỳ thanh toán.

### 19. Chi phí hoạt động khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 21)	29.231.525	29.237.691
Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF và chi phí hoạt động khác	97.203.226	76.061.271
Trong đó:		
<i>Phí niêm yết trả cho HOSE</i>	14.876.725	10.949.846
<i>Phí quản lý thường niên phải trả cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước</i>	4.958.886	4.972.632
<i>Phí ngân hàng (Thuyết minh 21)</i>	6.062.478	5.705.006
<i>Phí thực hiện quyền trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán</i>	5.000.000	5.000.000
<i>Phí đăng ký, niêm yết bổ sung trả Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán</i>	3.500.000	40.000.000
<i>Chi phí phạt do vi phạm hợp đồng</i>	43.750.000	-
<i>Chi phí báo cáo thường niên</i>	19.055.137	9.433.787
	<hr/>	<hr/>
	126.434.751	105.298.962

**QUỸ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**20. Giá trị tài sản ròng**

		<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017</b>			
<b>Kỳ</b>	<b>Ngày tính NAV</b>	<b>Giá trị tài sản</b>	<b>Số lượng</b>	<b>NAV/1CCQ</b>	<b>Tăng/ (giảm)</b>
		<b>ròng (NAV)</b>	<b>chứng chỉ</b>	<b>tại ngày tính</b>	
		<b>VND</b>	<b>quỹ</b>	<b>NAV</b>	<b>NAV/1CCQ</b>
		<b>[1]</b>	<b>CCQ</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>[3] = [1]/[2]</b>
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	429.447.860.593	42.200.000	10.176,48	
1	Ngày 2 tháng 1 năm 2017	429.426.271.562	42.200.000	10.175,97	(0,51)
2	Ngày 3 tháng 1 năm 2017	433.279.394.427	42.200.000	10.267,28	91,31
3	Ngày 4 tháng 1 năm 2017	434.358.040.088	42.200.000	10.292,84	25,56
4	Ngày 5 tháng 1 năm 2017	435.795.745.856	42.200.000	10.326,91	34,07
5	Ngày 8 tháng 1 năm 2017	436.798.906.285	42.200.000	10.350,68	23,77
6	Ngày 9 tháng 1 năm 2017	433.007.110.370	41.700.000	10.383,86	33,18
7	Ngày 10 tháng 1 năm 2017	423.227.267.442	40.700.000	10.398,70	14,84
8	Ngày 11 tháng 1 năm 2017	424.808.941.177	40.600.000	10.463,27	64,57
9	Ngày 12 tháng 1 năm 2017	424.049.619.800	40.600.000	10.444,57	(18,70)
10	Ngày 15 tháng 1 năm 2017	422.583.768.477	40.600.000	10.408,46	(36,11)
11	Ngày 16 tháng 1 năm 2017	418.216.183.416	40.600.000	10.300,89	(107,57)
12	Ngày 17 tháng 1 năm 2017	421.395.118.434	40.600.000	10.379,19	78,30
13	Ngày 18 tháng 1 năm 2017	418.465.517.249	40.600.000	10.307,03	(72,16)
14	Ngày 19 tháng 1 năm 2017	421.194.346.636	41.000.000	10.273,03	(34,00)
15	Ngày 22 tháng 1 năm 2017	423.343.595.497	41.000.000	10.325,45	52,42
16	Ngày 23 tháng 1 năm 2017	424.117.773.988	41.000.000	10.344,33	18,88
17	Ngày 24 tháng 1 năm 2017	426.645.810.596	41.000.000	10.405,99	61,66
18	Ngày 26 tháng 1 năm 2017	430.239.751.962	41.000.000	10.493,65	87,66
19	Ngày 31 tháng 1 năm 2017	430.185.698.293	41.000.000	10.492,33	(1,32)
20	Ngày 1 tháng 2 năm 2017	430.174.730.337	41.000.000	10.492,06	(0,27)
21	Ngày 2 tháng 2 năm 2017	435.628.404.268	41.000.000	10.625,08	133,02
22	Ngày 5 tháng 2 năm 2017	434.406.741.518	41.000.000	10.595,28	(29,80)
23	Ngày 6 tháng 2 năm 2017	436.296.075.854	41.000.000	10.641,36	46,08
24	Ngày 7 tháng 2 năm 2017	437.919.204.630	41.000.000	10.680,95	39,59
25	Ngày 8 tháng 2 năm 2017	438.899.475.824	41.000.000	10.704,86	23,91
26	Ngày 9 tháng 2 năm 2017	439.438.497.450	41.000.000	10.718,01	13,15
27	Ngày 12 tháng 2 năm 2017	439.375.463.705	41.000.000	10.716,47	(1,54)
28	Ngày 13 tháng 2 năm 2017	441.957.880.993	41.000.000	10.779,46	62,99
29	Ngày 14 tháng 2 năm 2017	442.452.500.278	41.000.000	10.791,52	12,06
30	Ngày 15 tháng 2 năm 2017	446.202.087.704	41.000.000	10.882,97	91,45
31	Ngày 16 tháng 2 năm 2017	443.112.512.546	40.800.000	10.860,60	(22,37)
32	Ngày 19 tháng 2 năm 2017	443.316.269.730	40.800.000	10.865,59	4,99
33	Ngày 20 tháng 2 năm 2017	442.948.684.138	40.800.000	10.856,58	(9,01)
34	Ngày 21 tháng 2 năm 2017	445.568.366.125	40.800.000	10.920,79	64,21
35	Ngày 22 tháng 2 năm 2017	443.608.212.240	40.800.000	10.872,75	(48,04)
36	Ngày 23 tháng 2 năm 2017	443.799.106.413	40.800.000	10.877,42	4,67
37	Ngày 26 tháng 2 năm 2017	440.030.325.838	40.800.000	10.785,05	(92,37)
38	Ngày 27 tháng 2 năm 2017	443.128.665.187	40.800.000	10.860,99	75,94

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

		<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017</b>			
<b>Kỳ</b>	<b>Ngày tính NAV</b>	<b>Giá trị tài sản</b>	<b>Số lượng</b>	<b>NAV/1CCQ</b>	<b>Tăng/ (giảm)</b>
		<b>ròng (NAV)</b>	<b>chứng chỉ</b>	<b>tại ngày tính</b>	
		<b>VND</b>	<b>quỹ</b>	<b>NAV</b>	<b>NAV/1CCQ</b>
		<b>[1]</b>	<b>CCQ</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>[3] = [1]/[2]</b>
39	Ngày 28 tháng 2 năm 2017	438.163.919.181	40.800.000	10.739,31	(121,68)
40	Ngày 1 tháng 3 năm 2017	437.005.889.320	40.800.000	10.710,92	(28,39)
41	Ngày 2 tháng 3 năm 2017	435.522.459.531	40.800.000	10.674,57	(36,35)
42	Ngày 5 tháng 3 năm 2017	437.492.741.107	40.800.000	10.722,86	48,29
43	Ngày 6 tháng 3 năm 2017	438.720.880.763	40.800.000	10.752,96	30,10
44	Ngày 7 tháng 3 năm 2017	439.567.516.456	40.800.000	10.773,71	20,75
45	Ngày 8 tháng 3 năm 2017	441.263.733.243	40.800.000	10.815,28	41,57
46	Ngày 9 tháng 3 năm 2017	442.466.305.069	40.800.000	10.844,76	29,48
47	Ngày 12 tháng 3 năm 2017	441.889.852.585	40.800.000	10.830,63	(14,13)
48	Ngày 13 tháng 3 năm 2017	441.320.886.954	40.800.000	10.816,68	(13,95)
49	Ngày 14 tháng 3 năm 2017	443.159.020.004	40.800.000	10.861,74	45,06
50	Ngày 15 tháng 3 năm 2017	442.988.947.586	40.900.000	10.831,02	(30,72)
51	Ngày 16 tháng 3 năm 2017	444.876.590.621	40.800.000	10.903,83	72,81
52	Ngày 19 tháng 3 năm 2017	445.024.403.353	40.800.000	10.907,46	3,63
53	Ngày 20 tháng 3 năm 2017	450.092.209.934	40.800.000	11.031,67	124,21
54	Ngày 21 tháng 3 năm 2017	452.512.366.336	40.800.000	11.090,98	59,31
55	Ngày 22 tháng 3 năm 2017	451.377.548.806	40.800.000	11.063,17	(27,81)
56	Ngày 23 tháng 3 năm 2017	447.651.046.330	39.800.000	11.247,51	184,34
57	Ngày 26 tháng 3 năm 2017	443.538.519.004	39.300.000	11.285,96	38,45
58	Ngày 27 tháng 3 năm 2017	438.954.599.030	38.800.000	11.313,26	27,30
59	Ngày 28 tháng 3 năm 2017	435.685.235.801	38.800.000	11.229,00	(84,26)
60	Ngày 29 tháng 3 năm 2017	436.673.482.266	38.800.000	11.254,47	25,47
61	Ngày 30 tháng 3 năm 2017	438.292.104.721	38.800.000	11.296,18	41,71
62	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	438.739.369.669	38.800.000	11.307,71	11,53
63	Ngày 2 tháng 4 năm 2017	438.717.867.682	38.800.000	11.307,16	(0,55)
64	Ngày 3 tháng 4 năm 2017	440.926.035.225	38.800.000	11.364,07	56,91
65	Ngày 4 tháng 4 năm 2017	442.418.200.706	38.800.000	11.402,53	38,46
66	Ngày 6 tháng 4 năm 2017	437.370.242.554	38.800.000	11.272,42	(130,11)
67	Ngày 9 tháng 4 năm 2017	441.462.027.429	38.800.000	11.377,88	105,46
68	Ngày 10 tháng 4 năm 2017	440.983.485.693	38.800.000	11.365,55	(12,33)
69	Ngày 11 tháng 4 năm 2017	441.745.762.402	38.800.000	11.385,20	19,65
70	Ngày 12 tháng 4 năm 2017	438.258.967.101	38.800.000	11.295,33	(89,87)
71	Ngày 13 tháng 4 năm 2017	435.290.476.896	38.800.000	11.218,82	(76,51)
72	Ngày 16 tháng 4 năm 2017	429.414.661.363	38.800.000	11.067,38	(151,44)
73	Ngày 17 tháng 4 năm 2017	423.638.392.740	38.800.000	10.918,51	(148,87)
74	Ngày 18 tháng 4 năm 2017	427.656.660.541	38.800.000	11.022,07	103,56
75	Ngày 19 tháng 4 năm 2017	430.162.608.900	38.800.000	11.086,66	64,59
76	Ngày 20 tháng 4 năm 2017	426.750.055.981	38.800.000	10.998,71	(87,95)
77	Ngày 23 tháng 4 năm 2017	425.623.856.836	38.800.000	10.969,68	(29,03)
78	Ngày 24 tháng 4 năm 2017	422.219.355.267	38.800.000	10.881,94	(87,74)
79	Ngày 25 tháng 4 năm 2017	423.120.586.728	38.800.000	10.905,16	23,22

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017</b>					
<b>Kỳ</b>	<b>Ngày tính NAV</b>	<b>Giá trị tài sản</b>	<b>Số lượng</b>	<b>NAV/ICCG</b>	<b>Tăng/ (giảm)</b>
		<b>ròng (NAV)</b>	<b>chứng chỉ</b>	<b>tại ngày tính</b>	
		<b>VND</b>	<b>quỹ</b>	<b>NAV</b>	<b>NAV/ICCG</b>
		<b>[1]</b>	<b>CCQ</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>[3] = [1]/[2]</b>
80	Ngày 26 tháng 4 năm 2017	436.120.522.130	39.700.000	10.985,40	80,24
81	Ngày 27 tháng 4 năm 2017	452.279.727.228	40.700.000	11.112,52	127,12
82	Ngày 30 tháng 4 năm 2017	457.196.423.972	41.200.000	11.097,00	(15,52)
83	Ngày 2 tháng 5 năm 2017	457.173.650.866	41.200.000	11.096,44	(0,56)
84	Ngày 3 tháng 5 năm 2017	460.188.902.423	41.200.000	11.169,63	73,19
85	Ngày 4 tháng 5 năm 2017	461.867.127.494	41.200.000	11.210,36	40,73
86	Ngày 7 tháng 5 năm 2017	460.422.012.135	41.200.000	11.175,29	(35,07)
87	Ngày 8 tháng 5 năm 2017	458.357.152.381	41.200.000	11.125,17	(50,12)
88	Ngày 9 tháng 5 năm 2017	463.004.775.876	41.200.000	11.237,97	112,80
89	Ngày 10 tháng 5 năm 2017	464.663.302.775	41.200.000	11.278,23	40,26
90	Ngày 11 tháng 5 năm 2017	464.970.533.976	41.200.000	11.285,69	7,46
91	Ngày 14 tháng 5 năm 2017	464.827.524.477	41.200.000	11.282,22	(3,47)
92	Ngày 15 tháng 5 năm 2017	467.743.278.652	41.200.000	11.352,99	70,77
93	Ngày 16 tháng 5 năm 2017	466.153.184.102	41.200.000	11.314,39	(38,60)
94	Ngày 17 tháng 5 năm 2017	468.463.034.586	41.200.000	11.370,46	56,07
95	Ngày 18 tháng 5 năm 2017	467.769.675.570	41.200.000	11.353,63	(16,83)
96	Ngày 21 tháng 5 năm 2017	472.528.884.251	41.200.000	11.469,14	115,51
97	Ngày 22 tháng 5 năm 2017	478.680.352.122	41.200.000	11.618,45	149,31
98	Ngày 23 tháng 5 năm 2017	477.169.052.365	41.200.000	11.581,77	(36,68)
99	Ngày 24 tháng 5 năm 2017	483.867.172.921	41.200.000	11.744,34	162,57
100	Ngày 25 tháng 5 năm 2017	483.232.227.924	41.200.000	11.728,93	(15,41)
101	Ngày 28 tháng 5 năm 2017	484.866.201.538	41.200.000	11.768,59	39,66
102	Ngày 29 tháng 5 năm 2017	487.095.082.215	41.200.000	11.822,69	54,10
103	Ngày 30 tháng 5 năm 2017	479.864.217.826	41.200.000	11.647,18	(175,51)
104	Ngày 31 tháng 5 năm 2017	481.149.441.775	41.200.000	11.678,38	31,20
105	Ngày 1 tháng 6 năm 2017	485.396.793.861	41.200.000	11.781,47	103,09
106	Ngày 4 tháng 6 năm 2017	484.396.303.973	41.200.000	11.757,19	(24,28)
107	Ngày 5 tháng 6 năm 2017	505.591.937.710	42.800.000	11.812,89	55,70
108	Ngày 6 tháng 6 năm 2017	513.211.878.693	42.800.000	11.990,93	178,04
109	Ngày 7 tháng 6 năm 2017	516.338.062.038	42.800.000	12.063,97	73,04
110	Ngày 8 tháng 6 năm 2017	516.594.407.164	42.800.000	12.069,96	5,99
111	Ngày 11 tháng 6 năm 2017	518.441.045.398	42.800.000	12.113,10	43,14
112	Ngày 12 tháng 6 năm 2017	516.094.018.199	42.800.000	12.058,27	(54,83)
113	Ngày 13 tháng 6 năm 2017	519.348.987.573	42.800.000	12.134,32	76,05
114	Ngày 14 tháng 6 năm 2017	524.643.568.943	43.000.000	12.201,01	66,69
115	Ngày 15 tháng 6 năm 2017	525.360.402.658	43.000.000	12.217,68	16,67
116	Ngày 18 tháng 6 năm 2017	527.765.212.618	43.000.000	12.273,60	55,92
117	Ngày 19 tháng 6 năm 2017	533.016.613.043	43.000.000	12.395,73	122,13
118	Ngày 20 tháng 6 năm 2017	537.027.285.887	43.200.000	12.431,18	35,45
119	Ngày 21 tháng 6 năm 2017	543.340.933.341	43.700.000	12.433,43	2,25
120	Ngày 22 tháng 6 năm 2017	551.872.579.154	44.500.000	12.401,63	(31,80)

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

		<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017</b>			
<b>Kỳ</b>	<b>Ngày tính NAV</b>	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) VND</b> [1]	<b>Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ</b> [2]	<b>NAV/1CCQ tại ngày tính NAV</b>	
				<b>VND/CCQ</b> [3] = [1]/[2]	<b>Tăng/ (giảm) NAV/1CCQ</b>
121	Ngày 25 tháng 6 năm 2017	589.280.004.439	47.500.000	12.405,89	4,26
122	Ngày 26 tháng 6 năm 2017	591.258.060.066	47.500.000	12.447,53	41,64
123	Ngày 27 tháng 6 năm 2017	586.706.814.315	47.500.000	12.351,72	(95,81)
124	Ngày 28 tháng 6 năm 2017	615.732.140.117	49.700.000	12.388,97	37,25
125	Ngày 29 tháng 6 năm 2017	619.077.925.323	49.700.000	12.456,29	67,32
126	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	622.534.351.554	49.700.000	12.525,84	69,55
• Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ		459.295.822.069			
• Biến động NAV/1CCQ trong kỳ ở mức cao nhất					184,34
• Biến động NAV/1CCQ trong kỳ ở mức thấp nhất					(0,27)

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016</b>					
Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản	Số lượng	NAV/1CCQ	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
		ròng (NAV) VND [1]	chứng chỉ quỹ CCQ [2]	tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	358.784.823.112	37.700.000	9.516,83	
1	Ngày 3 tháng 1 năm 2016	358.759.094.544	37.700.000	9.516,15	(0,68)
2	Ngày 4 tháng 1 năm 2016	355.250.671.866	37.700.000	9.423,09	(93,06)
3	Ngày 5 tháng 1 năm 2016	351.421.357.775	37.700.000	9.321,52	(101,57)
4	Ngày 6 tháng 1 năm 2016	355.253.344.190	37.700.000	9.423,16	101,64
5	Ngày 7 tháng 1 năm 2016	353.455.956.758	38.000.000	9.301,47	(121,69)
6	Ngày 8 tháng 1 năm 2016	349.619.528.821	38.000.000	9.200,51	(100,96)
7	Ngày 10 tháng 1 năm 2016	349.602.620.901	38.000.000	9.200,06	(0,44)
8	Ngày 11 tháng 1 năm 2016	348.232.306.714	38.000.000	9.164,00	(36,06)
9	Ngày 12 tháng 1 năm 2016	353.474.852.686	38.000.000	9.301,96	137,96
10	Ngày 13 tháng 1 năm 2016	351.187.832.125	38.000.000	9.241,78	(60,18)
11	Ngày 14 tháng 1 năm 2016	345.447.176.629	38.000.000	9.090,71	(151,07)
12	Ngày 15 tháng 1 năm 2016	337.312.741.035	38.000.000	8.876,65	(214,06)
13	Ngày 17 tháng 1 năm 2016	337.296.310.592	38.000.000	8.876,21	(0,43)
14	Ngày 18 tháng 1 năm 2016	328.456.613.201	38.000.000	8.643,59	(232,62)
15	Ngày 19 tháng 1 năm 2016	333.969.461.964	38.000.000	8.788,67	145,08
16	Ngày 20 tháng 1 năm 2016	330.288.048.994	38.000.000	8.691,79	(96,88)
17	Ngày 21 tháng 1 năm 2016	326.857.174.333	38.000.000	8.601,50	(90,29)
18	Ngày 22 tháng 1 năm 2016	327.382.762.341	38.000.000	8.615,33	13,83
19	Ngày 24 tháng 1 năm 2016	327.366.596.838	38.000.000	8.614,91	(0,43)
20	Ngày 25 tháng 1 năm 2016	339.986.418.230	38.000.000	8.947,01	332,10
21	Ngày 26 tháng 1 năm 2016	335.568.669.623	38.000.000	8.830,75	(116,26)
22	Ngày 27 tháng 1 năm 2016	338.069.290.234	38.000.000	8.896,56	65,81
23	Ngày 28 tháng 1 năm 2016	336.785.534.109	38.000.000	8.862,77	(33,78)
24	Ngày 29 tháng 1 năm 2016	339.631.429.115	38.000.000	8.937,66	74,89
25	Ngày 31 tháng 1 năm 2016	339.614.788.421	38.000.000	8.937,23	(0,44)
26	Ngày 1 tháng 2 năm 2016	337.409.836.779	38.000.000	8.879,20	(58,03)
27	Ngày 2 tháng 2 năm 2016	340.958.760.352	38.600.000	8.833,12	(46,08)
28	Ngày 3 tháng 2 năm 2016	341.839.173.383	38.600.000	8.855,93	22,81
29	Ngày 4 tháng 2 năm 2016	344.717.313.481	38.600.000	8.930,50	74,56
30	Ngày 5 tháng 2 năm 2016	346.396.242.308	38.600.000	8.973,99	43,50
31	Ngày 14 tháng 2 năm 2016	346.319.924.225	38.600.000	8.972,01	(1,98)
32	Ngày 15 tháng 2 năm 2016	343.371.754.711	38.600.000	8.895,64	(76,38)
33	Ngày 16 tháng 2 năm 2016	345.287.941.090	38.600.000	8.945,28	49,64
34	Ngày 17 tháng 2 năm 2016	326.688.385.159	36.600.000	8.925,91	(19,37)
35	Ngày 18 tháng 2 năm 2016	330.024.145.205	36.600.000	9.017,05	91,14
36	Ngày 19 tháng 2 năm 2016	330.394.285.877	36.600.000	9.027,16	10,11
37	Ngày 21 tháng 2 năm 2016	330.377.926.740	36.600.000	9.026,71	(0,45)
38	Ngày 22 tháng 2 năm 2016	334.357.623.024	36.600.000	9.135,45	108,73

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

		<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016</b>			
<b>Kỳ</b>	<b>Ngày tính NAV</b>	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) VND</b> [1]	<b>Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ</b> [2]	<b>NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ</b> [3] = [1]/[2]	<b>Tăng/ (giảm) NAV/ICCCQ</b>
39	Ngày 23 tháng 2 năm 2016	334.003.561.295	36.600.000	9.125,78	(9,67)
40	Ngày 24 tháng 2 năm 2016	336.946.168.748	36.600.000	9.206,17	80,40
41	Ngày 25 tháng 2 năm 2016	333.533.768.764	36.600.000	9.112,94	(93,23)
42	Ngày 26 tháng 2 năm 2016	336.541.850.156	36.600.000	9.195,13	82,19
43	Ngày 28 tháng 2 năm 2016	336.525.272.663	36.600.000	9.194,67	(0,45)
44	Ngày 29 tháng 2 năm 2016	332.348.410.340	36.600.000	9.080,55	(114,12)
45	Ngày 1 tháng 3 năm 2016	333.713.480.305	36.600.000	9.117,85	37,30
46	Ngày 2 tháng 3 năm 2016	337.310.619.188	36.600.000	9.216,13	98,28
47	Ngày 3 tháng 3 năm 2016	337.258.579.680	36.600.000	9.214,71	(1,42)
48	Ngày 4 tháng 3 năm 2016	338.312.319.730	36.600.000	9.243,50	28,79
49	Ngày 6 tháng 3 năm 2016	338.295.730.185	36.600.000	9.243,05	(0,45)
50	Ngày 7 tháng 3 năm 2016	339.246.102.521	36.600.000	9.269,01	25,97
51	Ngày 8 tháng 3 năm 2016	339.195.585.088	36.600.000	9.267,63	(1,38)
52	Ngày 9 tháng 3 năm 2016	338.425.588.515	36.600.000	9.246,60	(21,04)
53	Ngày 10 tháng 3 năm 2016	339.886.060.083	36.600.000	9.286,50	39,90
54	Ngày 11 tháng 3 năm 2016	339.960.552.768	36.600.000	9.288,53	2,04
55	Ngày 13 tháng 3 năm 2016	339.943.051.834	36.600.000	9.288,06	(0,48)
56	Ngày 14 tháng 3 năm 2016	341.804.673.378	36.600.000	9.338,92	50,86
57	Ngày 15 tháng 3 năm 2016	339.426.600.315	36.600.000	9.273,95	(64,97)
58	Ngày 16 tháng 3 năm 2016	339.882.782.987	36.600.000	9.286,41	12,46
59	Ngày 17 tháng 3 năm 2016	341.424.129.972	36.600.000	9.328,52	42,11
60	Ngày 18 tháng 3 năm 2016	338.799.108.240	36.600.000	9.256,80	(71,72)
61	Ngày 20 tháng 3 năm 2016	338.781.769.360	36.600.000	9.256,33	(0,47)
62	Ngày 21 tháng 3 năm 2016	337.575.275.806	36.600.000	9.223,36	(32,96)
63	Ngày 22 tháng 3 năm 2016	336.410.896.073	36.600.000	9.191,55	(31,81)
64	Ngày 23 tháng 3 năm 2016	337.922.856.091	36.600.000	9.232,86	41,31
65	Ngày 24 tháng 3 năm 2016	336.006.658.497	36.600.000	9.180,50	(52,36)
66	Ngày 25 tháng 3 năm 2016	336.550.355.390	36.600.000	9.195,36	14,86
67	Ngày 27 tháng 3 năm 2016	336.533.109.165	36.600.000	9.194,89	(0,47)
68	Ngày 28 tháng 3 năm 2016	338.926.815.301	36.600.000	9.260,29	65,40
69	Ngày 29 tháng 3 năm 2016	334.722.484.952	36.600.000	9.145,42	(114,87)
70	Ngày 30 tháng 3 năm 2016	335.850.840.658	36.600.000	9.176,25	30,83
71	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	332.689.494.923	36.600.000	9.089,87	(86,38)
72	Ngày 1 tháng 4 năm 2016	330.677.145.224	36.600.000	9.034,89	(54,98)
73	Ngày 3 tháng 4 năm 2016	330.659.498.481	36.600.000	9.034,41	(0,48)
74	Ngày 4 tháng 4 năm 2016	329.157.357.794	36.600.000	8.993,37	(41,04)
75	Ngày 5 tháng 4 năm 2016	331.898.709.130	36.600.000	9.068,27	74,90
76	Ngày 6 tháng 4 năm 2016	335.365.697.792	36.600.000	9.162,99	94,73
77	Ngày 7 tháng 4 năm 2016	337.023.565.999	36.600.000	9.208,29	45,30
78	Ngày 8 tháng 4 năm 2016	336.829.038.813	36.600.000	9.202,97	(5,31)

**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

		<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016</b>			
<b>Kỳ</b>	<b>Ngày tính NAV</b>	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]</b>	<b>Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]</b>	<b>NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]</b>	<b>Tăng/ (giảm) NAV/1CCQ</b>
80	Ngày 11 tháng 4 năm 2016	341.351.343.138	36.600.000	9.326,53	124,03
81	Ngày 12 tháng 4 năm 2016	341.740.661.714	36.600.000	9.337,17	10,64
82	Ngày 13 tháng 4 năm 2016	340.078.828.177	36.600.000	9.291,77	(45,41)
83	Ngày 14 tháng 4 năm 2016	341.327.173.223	36.600.000	9.325,87	34,11
84	Ngày 15 tháng 4 năm 2016	344.954.899.864	37.100.000	9.297,97	(27,90)
85	Ngày 18 tháng 4 năm 2016	344.928.384.726	37.100.000	9.297,26	(0,71)
86	Ngày 19 tháng 4 năm 2016	339.368.481.523	37.100.000	9.147,39	(149,86)
87	Ngày 20 tháng 4 năm 2016	340.631.092.012	37.200.000	9.156,74	9,35
88	Ngày 21 tháng 4 năm 2016	349.652.452.355	37.700.000	9.274,60	117,85
89	Ngày 22 tháng 4 năm 2016	357.209.445.502	37.700.000	9.475,05	200,45
90	Ngày 24 tháng 4 năm 2016	357.191.263.796	37.700.000	9.474,56	(0,48)
91	Ngày 25 tháng 4 năm 2016	356.448.845.212	37.700.000	9.454,87	(19,69)
92	Ngày 26 tháng 4 năm 2016	360.709.015.064	37.700.000	9.567,87	113,00
93	Ngày 27 tháng 4 năm 2016	358.399.955.283	37.700.000	9.506,63	(61,25)
94	Ngày 28 tháng 4 năm 2016	362.306.416.759	38.200.000	9.484,46	(22,17)
95	Ngày 29 tháng 4 năm 2016	370.484.067.484	38.700.000	9.573,23	88,77
96	Ngày 30 tháng 4 năm 2016	370.474.703.110	38.700.000	9.572,98	(0,24)
97	Ngày 3 tháng 5 năm 2016	370.446.737.184	38.700.000	9.572,26	(0,72)
98	Ngày 4 tháng 5 năm 2016	371.289.389.901	38.700.000	9.594,04	21,77
99	Ngày 5 tháng 5 năm 2016	371.606.858.689	38.600.000	9.627,12	33,08
100	Ngày 6 tháng 5 năm 2016	374.324.518.386	38.700.000	9.672,46	45,35
101	Ngày 8 tháng 5 năm 2016	374.305.715.783	38.700.000	9.671,98	(0,49)
102	Ngày 9 tháng 5 năm 2016	366.563.754.341	38.100.000	9.621,09	(50,89)
103	Ngày 10 tháng 5 năm 2016	361.920.223.316	37.600.000	9.625,53	4,44
104	Ngày 11 tháng 5 năm 2016	366.339.305.037	37.600.000	9.743,06	117,53
105	Ngày 12 tháng 5 năm 2016	366.378.279.031	37.600.000	9.744,10	1,04
106	Ngày 13 tháng 5 năm 2016	363.187.598.533	37.400.000	9.710,89	(33,20)
107	Ngày 15 tháng 5 năm 2016	363.169.254.794	37.400.000	9.710,40	(0,49)
108	Ngày 16 tháng 5 năm 2016	365.279.665.004	37.300.000	9.793,02	82,61
109	Ngày 17 tháng 5 năm 2016	369.895.161.545	37.300.000	9.916,76	123,74
110	Ngày 18 tháng 5 năm 2016	370.474.974.040	37.300.000	9.932,30	15,54
111	Ngày 19 tháng 5 năm 2016	366.835.660.439	37.100.000	9.887,75	(44,55)
112	Ngày 20 tháng 5 năm 2016	364.027.111.268	37.100.000	9.812,05	(75,70)
113	Ngày 22 tháng 5 năm 2016	364.008.732.942	37.100.000	9.811,55	(0,50)
114	Ngày 23 tháng 5 năm 2016	363.255.180.175	37.100.000	9.791,24	(20,31)
115	Ngày 24 tháng 5 năm 2016	363.351.605.123	37.100.000	9.793,84	2,60
116	Ngày 25 tháng 5 năm 2016	360.283.620.125	36.900.000	9.763,78	(30,06)
117	Ngày 26 tháng 5 năm 2016	356.993.918.551	36.900.000	9.674,63	(89,15)
118	Ngày 27 tháng 5 năm 2016	358.135.507.325	36.700.000	9.758,46	83,83



**QUỸ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016</b>					
<b>Kỳ</b>	<b>Ngày tính NAV</b>	<b>Giá trị tài sản</b>	<b>Số lượng</b>	<b>NAV/ICCQ</b>	<b>Tăng/(giảm) NAV/ICCQ</b>
		<b>ròng (NAV) VND [1]</b>	<b>chứng chỉ quỹ CCQ [2]</b>	<b>tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]</b>	
119	Ngày 29 tháng 5 năm 2016	358.117.371.745	36.700.000	9.757,96	(0,49)
120	Ngày 30 tháng 5 năm 2016	361.455.466.056	36.700.000	9.848,92	90,96
121	Ngày 31 tháng 5 năm 2016	361.918.416.560	36.700.000	9.861,53	12,61
122	Ngày 1 tháng 6 năm 2016	357.268.207.829	36.100.000	9.896,62	35,09
123	Ngày 2 tháng 6 năm 2016	357.306.788.948	36.000.000	9.925,18	28,56
124	Ngày 3 tháng 6 năm 2016	354.768.970.694	35.700.000	9.937,50	12,32
125	Ngày 5 tháng 6 năm 2016	354.750.889.541	35.700.000	9.936,99	(0,51)
126	Ngày 6 tháng 6 năm 2016	353.502.887.449	35.700.000	9.902,04	(34,96)
127	Ngày 7 tháng 6 năm 2016	356.406.082.346	35.700.000	9.983,36	81,32
128	Ngày 8 tháng 6 năm 2016	359.862.274.740	35.700.000	10.080,17	96,81
129	Ngày 9 tháng 6 năm 2016	360.181.187.663	35.700.000	10.089,10	8,93
130	Ngày 10 tháng 6 năm 2016	359.371.352.683	35.700.000	10.066,42	(22,68)
131	Ngày 12 tháng 6 năm 2016	359.353.081.901	35.700.000	10.065,91	(0,51)
132	Ngày 13 tháng 6 năm 2016	355.068.041.914	35.700.000	9.945,88	(120,03)
133	Ngày 14 tháng 6 năm 2016	357.120.557.393	35.700.000	10.003,37	57,49
134	Ngày 15 tháng 6 năm 2016	356.442.182.346	35.700.000	9.984,37	(19,00)
135	Ngày 16 tháng 6 năm 2016	355.496.241.731	35.700.000	9.957,87	(26,50)
136	Ngày 17 tháng 6 năm 2016	351.609.063.753	35.700.000	9.848,99	(108,88)
137	Ngày 19 tháng 6 năm 2016	351.591.112.796	35.700.000	9.848,49	(0,50)
138	Ngày 20 tháng 6 năm 2016	356.382.542.079	35.700.000	9.982,70	134,21
139	Ngày 21 tháng 6 năm 2016	357.952.513.017	35.700.000	10.026,68	43,98
140	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	356.358.415.995	35.700.000	9.982,02	(44,65)
141	Ngày 23 tháng 6 năm 2016	354.654.167.370	35.400.000	10.018,47	36,45
142	Ngày 24 tháng 6 năm 2016	346.874.830.572	35.400.000	9.798,72	(219,75)
143	Ngày 26 tháng 6 năm 2016	346.857.074.675	35.400.000	9.798,22	(0,50)
144	Ngày 27 tháng 6 năm 2016	347.831.638.419	35.400.000	9.825,75	27,53
145	Ngày 28 tháng 6 năm 2016	342.944.267.923	34.900.000	9.826,48	0,73
146	Ngày 29 tháng 6 năm 2016	343.890.496.810	34.600.000	9.939,03	112,55
147	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	344.103.683.319	34.600.000	9.945,19	6,16
• Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ		347.529.458.587			
• Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất					332,10
• Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất					(0,24)

## QUỸ ETF VFMVN30

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

## 21. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

### (a) Các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

#### *Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Phí quản lý Quỹ	1.480.508.178	1.123.342.847

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 0,65% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (2016: 0,65% một năm). Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

#### *Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	29.231.525	29.237.691

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (b) Các hợp đồng then chốt khác

*Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) – Ngân hàng Giám sát*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Phí lưu ký chứng khoán	136.153.419	103.769.907
Phí giao dịch chứng khoán	5.400.000	6.900.000
Phí dịch vụ giám sát	105.600.000	85.800.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	105.973.204	85.800.000
Phí ngân hàng	6.062.478	5.705.006
	<hr/>	<hr/>
	359.189.101	287.974.913

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị Quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát	<ul style="list-style-type: none"><li>0,02% NAV mỗi năm</li></ul>
Lưu ký chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"><li>NAV dưới 600 tỷ VND: 0,06% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 600 tỷ VND đến 1.000 tỷ Đồng Việt Nam: 0,05% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 1.000 tỷ VND trở lên: 0,04% NAV mỗi năm</li></ul>
Quản trị Quỹ	<ul style="list-style-type: none"><li>NAV dưới 1.000 tỷ VND: 0,035% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 1.000 tỷ VND trở lên: 0,025% NAV mỗi năm</li></ul>

Tổng phí giám sát, lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ sẽ tối thiểu là 42 triệu VND mỗi tháng trong hai năm đầu tiên. Từ năm thứ ba trở đi, phí tối thiểu này sẽ là 50 triệu Đồng VND mỗi tháng.

Tổng phí giám sát, lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ hàng tháng sẽ tối đa là 0,50% NAV mỗi năm.

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Quỹ sẽ phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát chi phí giao dịch chứng khoán là 100.000 VND cho mỗi giao dịch.

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 22. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016
<b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
1 Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,64%	0,65%
2 Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,12%	0,13%
3 Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,10%	0,10%
4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,02%	0,03%
5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,01%	0,02%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,94%	0,97%
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ (%)	54,39%	47,34%
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>		
<b>1 Quy mô Quỹ đầu năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>	<b>422.000.000.000</b>	<b>377.000.000.000</b>
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	422.000.000.000	377.000.000.000
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	42.200.000	37.700.000
<b>2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>(31.000.000.000)</b>
Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	11.400.000	3.100.000
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	114.000.000.000	31.000.000.000
Số lượng đơn vị quỹ hoán đổi lại trong kỳ	(3.900.000)	(6.200.000)
Giá trị vốn góp hoán đổi lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(39.000.000.000)	(62.000.000.000)

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016
<b>3 Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ)</b>	<b>497.000.000.000</b>	<b>346.000.000.000</b>
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	497.000.000.000	346.000.000.000
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	49.700.000	34.600.000
<b>4 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ</b>	<b>4,27%</b>	<b>21,02%</b>
<b>5 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ</b>	<b>92,41%</b>	<b>83,69%</b>
<b>6 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ</b>	<b>92,10%</b>	<b>69,55%</b>
<b>7 Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ</b>	<b>161</b>	<b>162</b>
<b>8 NAV/đơn vị quỹ cuối kỳ</b>	<b>12.525,84</b>	<b>9.945,19</b>

## 23. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản;
- rủi ro thị trường; và
- rủi ro hoạt động.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30-TRI có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30-TRI về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

#### **(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

#### **(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu là chứng khoán của 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các chứng khoán này có tỷ lệ tự do chuyển nhượng và khả năng thanh khoản cao. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Chi phí phải trả	126.832.509	126.832.509	126.832.509	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	425.316.522	425.316.522	425.316.522	-	-
Phải trả, phải nộp khác	12.281.661	12.281.661	12.281.661	-	-
	564.430.692	564.430.692	564.430.692	-	-
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>					
Chi phí phải trả	136.876.080	136.876.080	136.876.080	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	357.843.176	357.843.176	357.843.176	-	-
Phải trả, phải nộp khác	19.591.250	19.591.250	19.591.250	-	-
	514.310.506	514.310.506	514.310.506	-	-

### (c) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

#### (i) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) *Rủi ro tiền tệ***

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

#### **(iii) *Rủi ro giá thị trường***

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết và quyền mua chứng khoán của Quỹ là 620.564.324.150 VND (31/12/2016: 427.463.644.250 VND). Trong kỳ báo cáo sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, tỷ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN30-TRI cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 22,59% (năm 2016: tỷ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN30 cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 26,93%). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 22,59% tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (31/12/2016: 26,93%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 140.185.480.825 VND (2016: 115.137.218.250 VND).

#### **(d) *Rủi ro hoạt động***

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số VN30-TRI và Công ty quản lý Quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu càng thấp càng tốt.

Trong quá trình hoạt động, Quỹ có thể phát sinh sai lệch do Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong chỉ số VN30-TRI do hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc trong trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cơ cấu lại danh mục của chỉ số tham chiếu VN30-TRI theo định kỳ sáu tháng/một lần. Theo quy định hiện hành, trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu liên tục trong ba tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc không thể xác định được chỉ số tham chiếu; hoặc các trường hợp khác quy định bởi Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Quỹ sẽ bị hủy niêm yết và bị giải thể Quỹ. Khi đó nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ sẽ không thể thực hiện việc mua bán.



**QUỸ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**(e) Giá trị hợp lý****(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Các khoản đầu tư	620.564.324.150	620.564.324.150	427.463.644.250	427.463.644.250
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	2.319.334.821	2.319.334.821	1.627.067.349	1.627.067.349
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	200.000.000	200.000.000	871.459.500	871.459.500
▪ Các khoản phải thu khác	15.123.275	15.123.275	-	-
	<b>623.098.782.246</b>	<b>623.098.782.246</b>	<b>429.962.171.099</b>	<b>429.962.171.099</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả	126.832.509	126.832.509	136.876.080	136.876.080
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	425.316.522	425.316.522	357.843.176	357.843.176
▪ Phải trả, phải nộp khác	12.281.661	12.281.661	19.591.250	19.591.250
	<b>564.430.692</b>	<b>564.430.692</b>	<b>514.310.506</b>	<b>514.310.506</b>

## **QUỸ ETF VFMVN30**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

#### **24. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ**

Hoạt động kinh doanh của Quỹ không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ và chu kỳ.

#### **25. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

#### **26. Các thay đổi trong cơ cấu của Quỹ**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Quỹ trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## QUỸ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 27. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

#### (a) Sự tăng giá trị các khoản đầu tư

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính của Quỹ là 623.665.272.850 VND thể hiện khoản tăng giá 3.100.948.700 VND so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 do sự tăng giá trên thị trường trong nước. Không có khoản điều chỉnh nào được lập cho báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

#### (b) Sự tăng giá trị tài sản ròng

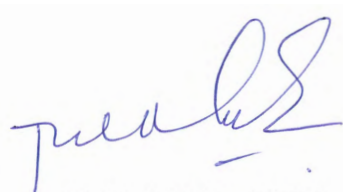
Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá gần nhất (ngày 6 tháng 8 năm 2017) là 1.009.207.837.321 VND, tăng 62,11% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ ngày kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### 28. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 7 tháng 8 năm 2017.

Ngày 7 tháng 8 năm 2017


Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng  
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

